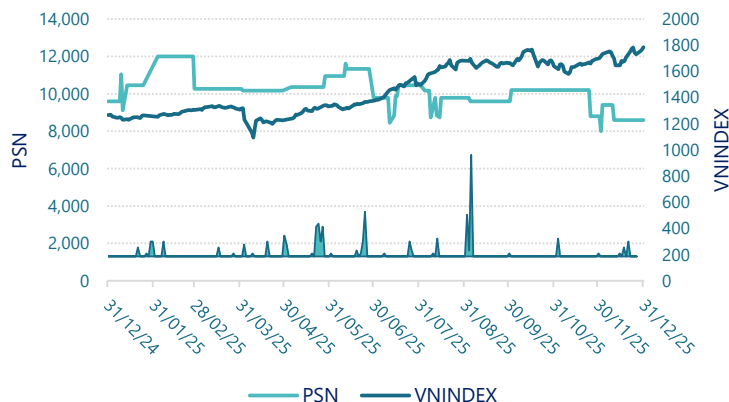




CTCP Dịch vụ kỹ thuật PTSC Thanh Hóa (UPCOM: PSN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
SL cổ phiếu LH	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	344
P/E	10.2
EPS	846

DT thuần

Q4/25

487

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 106 | 27.9%

YoY: ▲ 180 | 58.7%

LN sau thuế

Q4/25

9.07

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.68 | -6.9%

YoY: ▲ 1.15 | 14.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.4%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần

2025

1,384

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 187 | 15.6%

LN sau thuế

2025

33.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 3.30 | -8.9%

ROE

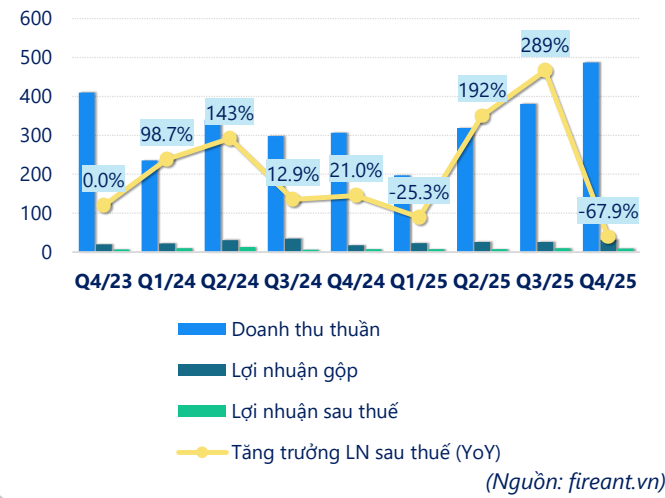
2025

6.2%

+/- YoY: ▼ 0.7%

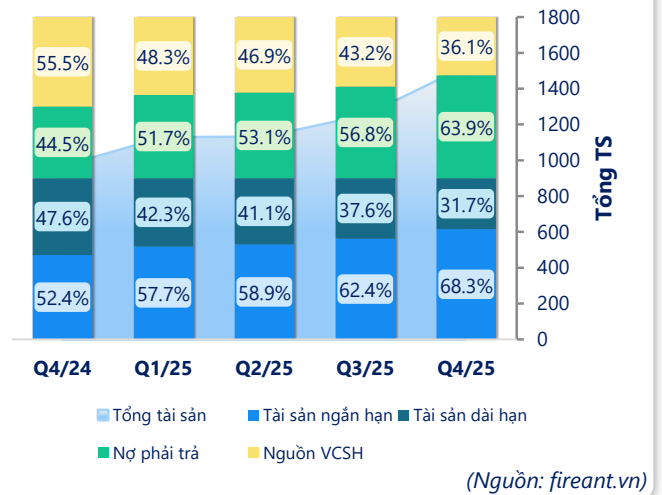
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

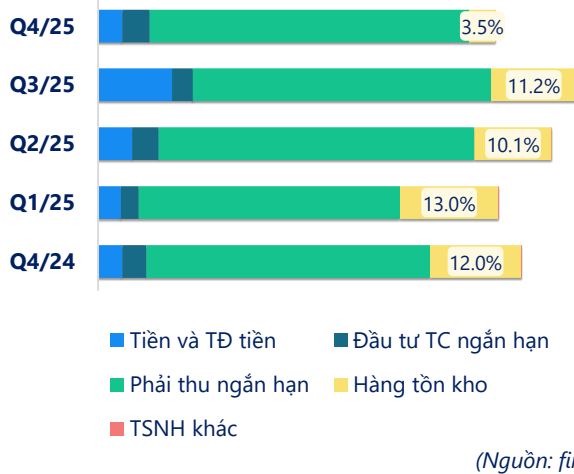


Cơ cấu Tổng tài sản

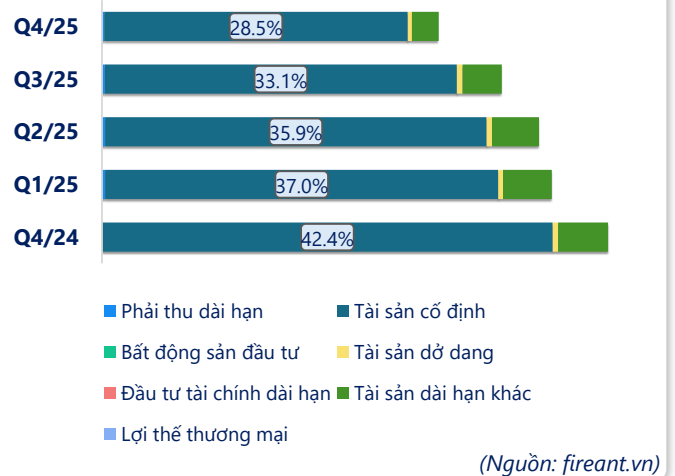
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

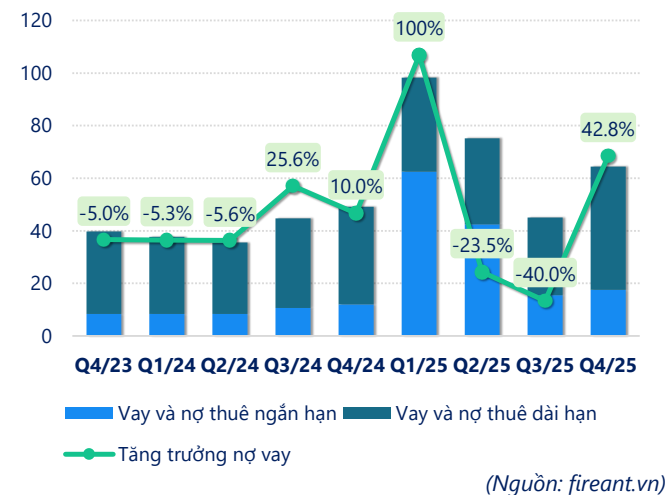


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



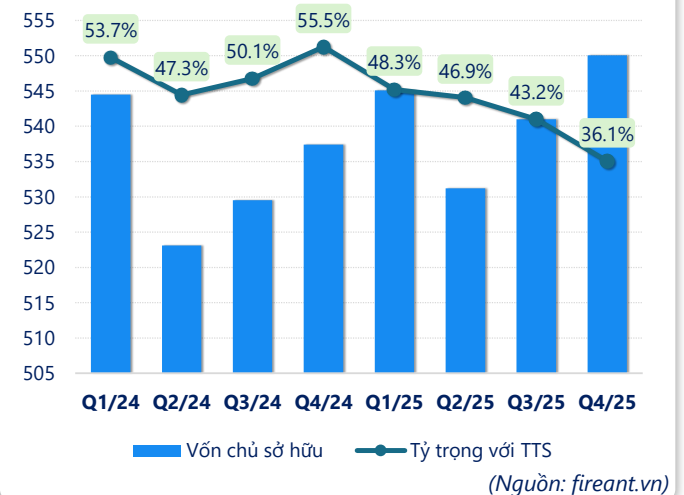
tỷ VNĐ

Nợ vay

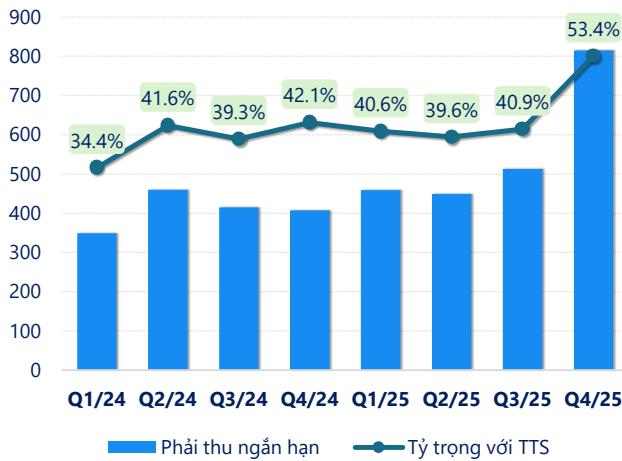


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


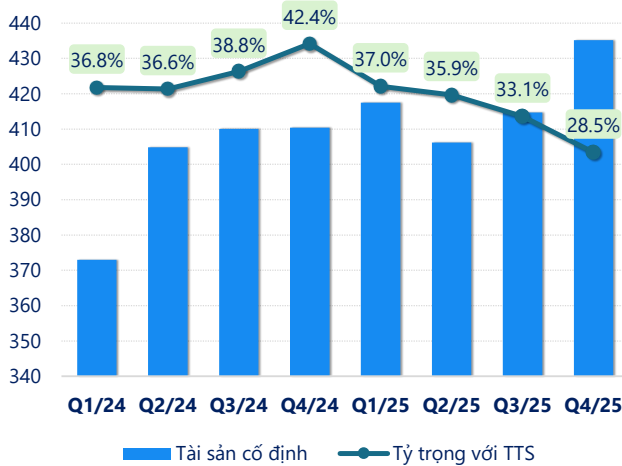
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

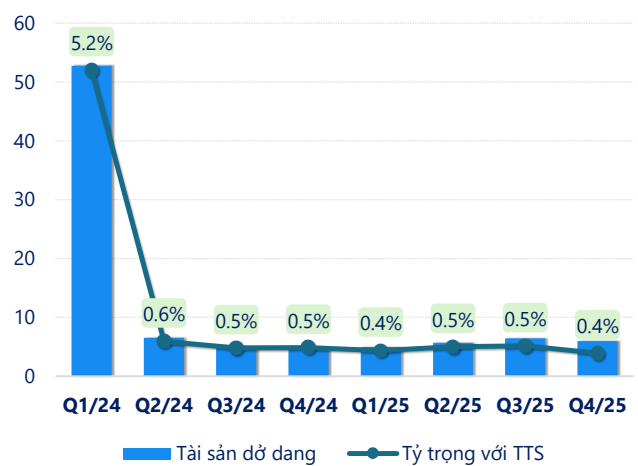

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

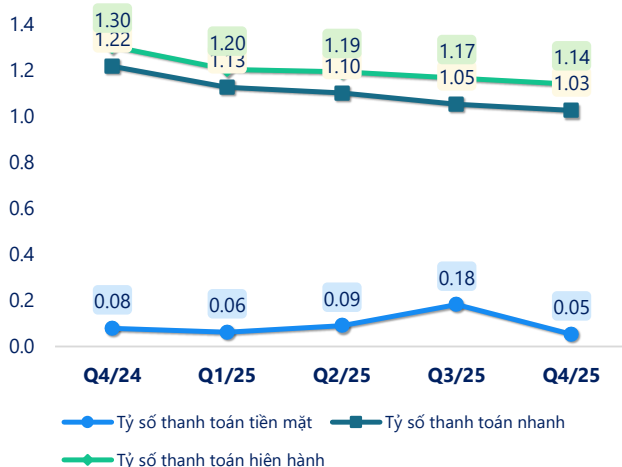
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

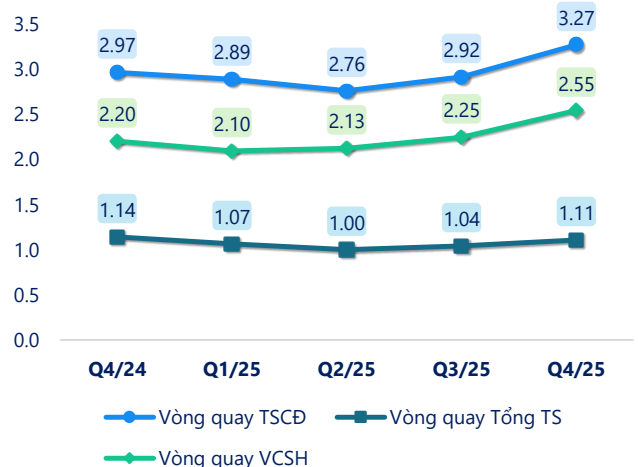
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	968	1,129	1,133	1,252	1,526
Tài sản ngắn hạn	507	652	667	782	1,043
Tiền và tương đương tiền	30.9	33.7	50.7	122	48.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.9	115	115	64.9	73.8
Phải thu ngắn hạn	407	459	449	513	814
Hàng tồn kho	33.6	41.7	51.2	76.7	104
Tài sản ngắn hạn khác	0.59	2.73	1.40	5.42	2.00
Tài sản dài hạn	461	478	465	471	483
Phải thu dài hạn	0	3.37	3.37	3.37	3.37
Tài sản cố định	410	417	406	415	435
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.72	4.94	5.70	6.45	5.97
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	45.7	51.8	50.0	46.2	38.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	431	584	601	711	976
Nợ ngắn hạn	389	541	559	670	914
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.0	62.5	42.5	15.5	17.6
Phải trả người bán ngắn hạn	212	225	213	229	375
Nợ dài hạn	41.8	43.0	42.5	41.9	61.2
Vay và nợ thuê dài hạn	37.1	35.8	32.7	29.6	46.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	537	545	531	541	550
Vốn chủ sở hữu	537	545	531	541	550
Vốn điều lệ	400	400	400	400	400
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)